TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THOẠI SƠN** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 80/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 20/03/2024
V/v tranh chấp ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THOẠI SƠN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Thị Cẩm Xuyên**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Lê Thị Thường**;

2. Ông **Võ Thành Tâm**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Huỳnh Tiểu Ngọc** – Thư ký Toà án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Lam Em** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 02 năm 2024 và ngày 20 tháng 03 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: *544/2023/TLST-HNGĐ ngày 17/11/2023 về việc: "Xin ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 202/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 06/12/2023, thông báo dời ngày xét xử số: 36/2023/TB-XX ngày 07/12/2023, quyết định hoãn phiên tòa số: 19/2024/QĐST-HNGĐ ngày 22/01/2024, quyết định tạm ngừng phiên tòa số: 01/2024/QĐST-HNGĐ ngày 20/02/2024 và thông báo mở lại phiên tòa số: 01/TB-TA ngày 28/02/2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Đỗ Khánh N**, sinh năm 1983 (Có mặt)

Địa chỉ: Tổ 10, khóm Tân Đông, thị trấn Óc Eo, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang. Số điện thoại: 0367318800

2. Bị đơn: Anh **Trần Minh H**, sinh năm 1975 (Có mặt)

Địa chỉ: Tổ 7, khóm Trung Sơn, thị trấn Óc Eo, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang. Số điện thoại: 0982311469

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Đỗ Khánh N trình bày: Tôi với anh H tự tìm hiểu và tiến tới chung sống với nhau từ năm 2000, không tổ chức lễ cưới nhưng có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Óc Eo, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang vào ngày 07/8/2003. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc và có 02 con chung tên Trần Việt A, sinh ngày 13/5/2003 và Trần Minh B, sinh ngày 22/8/2013. Nhưng đến năm 2019, thời kỳ dịch covid-19 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do anh H không lo cho kinh tế gia đình, không quan tâm vợ con, thường xuyên có hành vi bạo lực gia đình bằng lời nói xúc phạm tôi. Tôi đã cho anh H cơ hội rất nhiều lần nhưng vẫn không thay đổi. Đến tháng 7/2023, tôi không chịu được nữa nên tôi dẫn con bỏ về nhà chị ruột (Khóm Tân Đông, thị trấn Óc Eo) sinh sống vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay. Nhận thấy, tình cảm vợ chồng không còn nên tôi yêu cầu được ly hôn với anh anh Trần Minh H. Về quan hệ con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Trần Việt A, sinh ngày 13/5/2003 (đã trưởng thành) và Trần Minh B, sinh ngày 22/8/2013. Sau khi ly hôn, tôi yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Trần Minh B, sinh ngày 22/8/2013, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con; Con chung tên Trần Việt A, sinh ngày 13/5/2003 đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về quan hệ tài sản: Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nợ chung: Không có.

Theo các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa bị đơn anh Trần Minh H trình bày:

Tôi thống nhất với lời trình bày của chị N về quá trình chung sống của vợ chồng và con chung. Tuy nhiên, chị N trình bày mâu thuẫn vợ chồng hoàn toàn không đúng sự thật, cụ thể: Năm 2019 tôi bị tai nạn lao động không làm thuê được, tôi nuôi gà thất bại nên không có tiền phụ tiếp vợ nuôi con, vợ tôi không chia sẻ mà còn trách móc tôi. Năm 2022, tôi quyết định đi làm ở Phú Quốc và có báo cho vợ biết nhưng vợ tôi im lặng không thể hiện ý kiến gì. Con bệnh trúng thực vợ có báo tôi biết, tôi có điện về thăm nhưng khi về thì vợ tôi gán ghép cho tôi là vợ con bệnh covid-19 mà tôi không quan tâm khiến tôi rất bức xúc, khi thấy vợ bệnh tôi có hỏi thăm đòi chở đi bệnh viện nhưng không chịu, tí xíu vợ lại nhờ người quen nào đó chở đi bệnh viện. Từ khi tai nạn tôi tìm việc rất khó khăn ở địa phương nên tôi phải đi làm xa nhiều nơi thì vợ lại ghen tuông. Đến tháng 7/2023 vợ chồng có cự cãi với nhau về chuyện tiền bạc thì vợ dẫn con gái út về nhà chị ruột ở Tân Đông, thị trấn Óc Eo sống cho đến nay.

Tóm lại, tại phiên tòa hôm nay tôi nhận thấy vợ tôi đã kiên quyết ly hôn, tôi cũng không muốn níu kéo nữa nên tôi đồng ý ly hôn. Về quan hệ con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Trần Việt A, sinh ngày 13/5/2003 (đã trưởng thành) và Trần Minh B, sinh ngày 22/8/2013 (hiện đang sống với chị N). Sau khi ly hôn, tôi đồng ý giao con chung tên Trần Minh B, sinh ngày 22/8/2013 cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng, tôi sẽ không cấp dưỡng nuôi con; Con chung tên Trần Việt A, sinh ngày 13/5/2003 đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về quan hệ tài sản: Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nợ chung: Không có.

Nguyện vọng của con chung: Tại biên bản Ghi nhận ý kiến của người chưa thành niên ngày 17/11/2023 cháu Trần Minh B có nguyện vọng được sống với mẹ.

Kết quả xác minh tình trạng hôn nhân của chị N, anh H tại biên bản lấy lời khai ngày 06/12/2023 của người làm chứng chị Đỗ Khánh K thể hiện: Chị N là chị ruột của chị, anh H là chồng chị N và là anh rể của chị. Chị N, anh H trước đây do tự tìm hiểu mới tiến tới chung sống, không có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn. Chị N và anh H có 02 con chung tên Trần Việt A đã trưởng thành đang học đại học ở Cần Thơ và Trần Minh B, học lớp 5 ở thị trấn Óc Eo, huyện Thoại Sơn. Tháng 7/2023 chị N dẫn cháu tên Trần Minh B về ở gần nhà chị Ngà thì chị mới biết là anh H chị N cự cãi, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, còn cự cãi vấn đề gì chị không rõ do chị N là người kín tiếng, ít nói. Hiện chị N và anh H đã không còn sống chung từ tháng 7/2023 cho đến nay. Sau khi ly thân, anh H chỉ thăm vợ con được vài lần, mọi việc chăm lo con cái, chi phí ăn ở, học hành đều do chị N đảm đương.

- *Đại diện Viện kiểm sát Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:* Về tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng: Đã được tiến hành đúng theo trình tự pháp luật quy định. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 9, Điều 55, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử: Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Đỗ Khánh N và anh Trần Minh H. Về quan hệ con chung: Công nhận (02) con chung tên Trần Việt A, sinh ngày 13/5/2003 (đã trưởng thành) và Trần Minh B, sinh ngày 22/8/2013 (hiện đang sống với mẹ) là con chung của chị Đỗ Khánh N và anh Trần Minh H. Giao con chung tên Trần Minh B, sinh ngày 22/8/2013 cho chị Đỗ Khánh N được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi đủ 18 tuổi, anh H không phải cấp dưỡng nuôi con. Con chung tên Trần Việt A, sinh ngày 13/5/2003 đã trưởng thành nên không xem xét. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét. Về án phí: Chị N yêu cầu ly hôn nên phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử (sau đây gọi tắt là HĐXX) nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con; Bị đơn anh Trần Minh H cư trú tại tổ 7, khóm Trung Sơn, thị trấn Óc EO, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang. Theo quy định tại Điều 28, Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Qua các tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp, kết quả xác minh tình trạng hôn nhân và lời khai của nguyên đơn, bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa có căn cứ xác định:

Chị Đỗ Khánh N chung sống với anh Trần Minh H không có tổ chức lễ cưới nhưng có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Óc Eo, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang vào ngày 07/8/2003. Do vậy, căn cứ vào Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì đây là hôn nhân hợp pháp nên phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng.

Thời gian đầu sau khi kết hôn, vợ chồng chị N, anh H chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2019 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do có nhiều bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng không còn tin tưởng nhau và thường xuyên xảy ra va chạm, cự cãi, chị N cho rằng anh H không lo cho kinh tế gia đình, không quan tâm vợ con và có những lời nói xúc phạm chị, anh H thì cho rằng chị N không quan tâm, chia sẻ công việc với chồng mà còn trách móc anh. Mâu thuẫn kéo dài mặc dù cả chị N, anh H đã cho nhau nhiều cơ hội sửa đổi nhưng nhưng vẫn không cải thiện được, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc thể hiện bằng việc chị N đã dẫn con về nhà chị ruột sống từ tháng 7/2023, vợ chồng đã ly thân và không còn quan tâm nhau từ đó cho đến nay.

Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị N kiên quyết xin ly hôn để mỗi người đều có cuộc sống mới; tại phiên hòa giải và tại phiên tòa ngày 20/2/2024 anh H cho rằng vẫn còn tình cảm vợ chồng và mong muốn được đoàn tụ nhưng anh không đưa ra biện pháp nào tích cực nhằm cải thiện quan hệ vợ chồng. Bên cạnh đó, trong quá trình tòa án giải quyết vụ án anh nhiều lần có hành vi gây áp lực làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến tâm lý, cuộc sống của chị N. Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay (phần Tranh tụng) anh H thừa nhận lỗi sai của mình và nhận thấy hôn nhân không thể níu kéo được nữa nên anh đồng ý ly hôn với chị N. Như vậy, quan hệ vợ chồng giữa anh H và chị N đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân giữa hai người không đạt được nếu cho chung sống lại cũng không tạo được một gia đình hạnh phúc bền vững nên căn cứ Điều 55 Luật hôn nhân gia đình cần công nhận sự thận tình ly hôn giữa chị Đỗ Khánh N và anh Trần Minh H.

[2.2] Về con chung: Chị N và anh H thừa nhận (02) con chung tên Trần Việt A, sinh ngày 13/5/2003 (đã trưởng thành) và Trần Minh B, sinh ngày 22/8/2013 (hiện đang sống với mẹ) là con chung của anh, chị và giấy khai sinh của các cháu cũng đã thể hiện điều này, do đó cần công nhận các cháu là con chung của chị N và anh H; Nhận thấy hiện nay con chung tên Trần Việt A, sinh ngày 13/5/2003 đã thành niên và không thuộc trường hợp mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động hoặc không có tài sản để tự nuôi mình và các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án cháu Trần Minh B, sinh ngày 22/8/2013 có nguyện vọng sống với mẹ, bản thân chị N đủ điều kiện trực tiếp nuôi con chung và cũng có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng cháu B, anh H cũng

thể hiện mong muốn giao con chung tên Trần Minh B, sinh ngày 22/8/2013 cho chị N được tiếp tục nuôi dưỡng, anh sẽ không cấp dưỡng do thu nhập của anh hiện nay không ổn định. Do vậy, HĐXX áp dụng các Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân gia đình, giao con chung tên Trần Minh B, sinh ngày 22/8/2013 cho chị Đỗ Khánh N được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu B thành niên (đủ 18 tuổi), tự lao động được là phù hợp và đảm bảo được các điều kiện tốt nhất cho sự phát triển về thể chất, tinh thần, việc học tập, môi trường sống của cháu; Chị N phải tạo điều kiện cho anh H được quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở; Khi cần thiết anh H có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con theo quy định pháp luật.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị N, anh H không yêu cầu nên HĐXX không xem xét.

[2.4] Về quan hệ tài sản:

[2.4.1] Về tài sản chung: Chị N, anh H trình bày tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[2.4.2] Về nợ chung: Chị N, anh H trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm**:** Chị N là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[4] Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị về giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định nêu trên của Tòa án.

[5] Các đương sự được kháng cáo bản án theo quy định của Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 8, Điều 9, Điều 55, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH.14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Đỗ Khánh N và anh Trần Minh H.

2. Về quan hệ con chung: Công nhận (02) con chung tên Trần Việt A, sinh ngày 13/5/2003 (đã trưởng thành) và Trần Minh B, sinh ngày 22/8/2013 (hiện đang sống với mẹ) là con chung của chị Đỗ Khánh N và anh Trần Minh H.

Giao con chung tên Trần Minh B, sinh ngày 22/8/2013 cho chị Đỗ Khánh N được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được quyền ngăn cản. Người không trực tiếp nuôi con chung nếu lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con, khi cần thiết các đương sự có thể yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung.

Con chung tên Trần Việt A, sinh ngày 13/5/2003 đã thành niên và không thuộc trường hợp mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động hoặc không có tài sản để tự nuôi mình và các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra xem xét, giải quyết.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Tạm miễn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh Trần Minh H do chị Đỗ Khánh N không yêu cầu. Vì lợi ích của con, khi cần thiết các đương sự có thể yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung.

4. Về tài sản chung và nợ chung:

- Về tài sản chung: Quá trình giải quyết vụ án chị Đỗ Khánh N và anh Trần Minh H trình bày tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

- Về nợ chung: Quá trình giải quyết vụ án chị Đỗ Khánh N và anh Trần Minh H trình bày không có nên không đặt ra giải quyết. Tuy nhiên, sau khi bản án này có hiệu lực pháp luật nếu có nguyên đơn xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì chị Đỗ Khánh N và anh Trần Minh H phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

5. Về án phí sơ thẩm: Chị Đỗ Khánh N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0013335 ngày 17/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang. Như vậy, chị Đỗ Khánh N đã thực hiện xong nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm. Anh Trần Minh H không phải chịu án phí.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành

án theo quy định tại các Điều 6,7,7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Thoại Sơn;p
- Chi cục THADS huyện Thoại Sơn;
- UBND thị trấn Óc Eo, h. Thoại Sơn;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Cẩm Xuyên